

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-12-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đào

Bà Hoàng Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24-11-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Dương T**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp A, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: **Anh Huỳnh M**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp A, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-6-2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Dương T trình bày: Chị và anh Huỳnh M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5

năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M không có trách nhiệm với gia đình, đánh bạc, phá sản tài sản. Vợ chồng ly thân từ tháng 5-2021 đến nay.

Về hôn nhân: Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh V, sinh ngày 26-01-2012. Chị T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã mời anh Huỳnh M nhiều lần đến Tòa làm việc nhưng anh M vắng mặt không lý do.

Tại bản tự khai ngày 27-10-2021, anh Huỳnh M trình bày : Anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Anh và chị T bất đồng quan điểm sống, chị T về nhà mẹ ruột sống và ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Quá trình ly thân, hai bên gia đình có gặp nhau để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không được.

Về hôn nhân : Chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung : Có 01 con tên Huỳnh V, sinh ngày 26-01-2012. Anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M

Về con chung: Giao cháu Huỳnh V cho chị T nuôi dưỡng. Anh M cấp

đưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T, anh M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với bị đơn anh Huỳnh M theo đúng quy định pháp luật nhưng anh M vắng mặt, xem như anh M từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị T và anh M tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Chị T yêu cầu xin ly hôn với anh M, theo chị T trình bày cuộc sống chung vợ chồng của chị và anh M không hạnh phúc, do anh M không có trách nhiệm với gia đình, đánh bạc, phá tán tài sản. Vợ chồng chị đã không sống chung từ tháng 05/2021 đến nay, chị và anh M có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Theo bản tự khai của anh M trình bày anh và chị T sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, chị T bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 5/2021 đến nay. Quá trình ly thân, hai bên gia đình có gặp nhau để hòa giải cho vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng không được. Anh M không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải về quan hệ hôn nhân với chị T cũng như không đưa ra được giải pháp gì để đoàn tụ vợ chồng.

Xét thấy từ những căn cứ trên xác định hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[4] Về con chung: Xét thấy anh chị có 01 người con chung tên Huỳnh V, sinh ngày 26-01-2012. Chị T có nguyện vọng xin được nuôi con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo luật và anh M đồng ý giao con chung cho chị T và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh

Tây Ninh đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T, anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương T với anh Huỳnh M. Chị Dương T được ly hôn với anh Huỳnh M.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh V, sinh ngày 26-01-2012, giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005841 ngày 22-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Dương T, anh Huỳnh M được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ (do vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Dương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Thủy